

Bản án số: 307/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 06/7/2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Quý Phương.
2. Bà Trần Thị Hoài Ân.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Quốc Thiên Hương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trương Võ Thùy Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 06. tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 700/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Lê Minh H, sinh năm 1978; địa chỉ thường trú: khu phố C, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ liên lạc: Phường T, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Ông H có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Bà Dương Thị P, sinh năm 1977; địa chỉ: Phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh;

Bà P vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện nhận ngày 11/12/2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Minh H trình bày:

Ông Lê Minh H và bà Dương Thị P là vợ chồng hợp pháp chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 03 do Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/01/2001.

Trong quá trình chung sống, ông H và bà P phát sinh nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống, hai người bất đồng về quan điểm sống thường xuyên gây gổ và cãi vã, vợ chồng không thể nói chuyện được với nhau. Từ năm 2015 đến nay, ông H và bà P sống ly thân, mỗi người ở một nơi, không còn chung sống với nhau. Nay ông H nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng thật sự trầm trọng, không thể hàn gắn, vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau. Ông H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên ông H yêu cầu được ly hôn với bà Dương Thị P để sớm ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Xuân HH, sinh ngày 16/9/2001 đã thành niên và Lê Xuân D, sinh ngày 08/01/2003. Trẻ D hiện đang do bà P nuôi dưỡng nên ông đồng ý để bà P tiếp tục nuôi con, ông không cấp dưỡng nuôi trẻ D

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông H xác định trong quá trình chung sống ông H với bà P không có tài sản chung, không có nợ chung. Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung.

Ngày 22/5/2020 ông Lê Minh H có nộp Đơn xin vắng mặt tại các phiên tòa xét xử vụ án. Ông H vẫn giữ nguyên yêu cầu như trong Đơn khởi kiện và xin bảo lưu ý kiến đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ kiện tại Tòa án.

* Đối với bị đơn bà Dương Thị P: Theo kết quả xác minh của Công an Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh ngày 17/12/2019: *“Bà Dương Thị P, sinh năm 1977 hiện thuê chỗ ở và đăng ký lưu trú tại 161D/106/29G Lạc Long Quân, Phường 3, Quận 11, ...”*.

Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 11 đã thực hiện đầy đủ thủ tục tổng đạt trực tiếp, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ cho bà Dương Thị P nhưng bà P không đến Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai, hoà giải đối với bị đơn được. Tại phiên tòa bà P cũng vắng mặt không rõ lý do.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 có ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử như sau: *“Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành xét xử đúng quy định pháp luật, tuy nhiên chưa đảm bảo đúng thời hạn chuẩn bị xét xử và giao quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát trễ hạn. Về nội dung: Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Bộ luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn”*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào các Biên bản lời khai đã thể hiện, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng* :

* Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Ông Lê Minh H và bà Dương Thị P chung sống trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Ông H xin ly hôn với bà P, bị đơn có

nơi cư trú tại Quận 11 nên Tòa án nhân dân Quận 11 thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định pháp luật tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân năm 2015.

* Về người tham gia tố tụng:

Ngày 22/5/2020 nguyên đơn có Đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn là bà Dương Thị P nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về yêu cầu của các đương sự:*

* Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu ly hôn của ông Lê Minh H:

Ông Lê Minh H và bà Dương Thị P tự nguyện chung sống với nhau có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường 3, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 03 đăng ký ngày 02/01/2001. Quan hệ hôn nhân giữa ông H và bà P là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Theo lời khai ông H: Mâu thuẫn giữa ông H và bà P đã phát sinh từ lâu, nguyên nhân chủ yếu cả hai bất đồng nhiều mặt trong cuộc sống, hai người thường xuyên gây gổ và cãi vã, vợ chồng không thể nói chuyện được với nhau. Từ năm 2015 đến nay, ông H và bà P không còn chung sống với nhau, mỗi người ở một nơi. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, cả hai không còn liên hệ nhau về kinh tế và tình cảm và cũng không có biện pháp gì để vợ chồng hòa giải với nhau để đoàn tụ gia đình. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo cho bà P đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng bà P đều vắng mặt không lý do, thể hiện bà P không có thiện chí hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của Nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ vào những nhận định nêu trên và căn cứ vào Khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hôn nhân gia đình năm 2014 đã quy định: *“khi tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được thì Tòa án giải quyết cho ly hôn”*. Vì vậy, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Lê Minh H được ly hôn với bà Dương Thị P.

* Về con chung: Con chung Lê Xuân HH, sinh ngày 16/9/2001 đã thành niên không đề cập giải quyết. Riêng trẻ Lê Xuân D, sinh ngày 08/01/2003 hiện đang được bà P nuôi dưỡng nên ông H đồng ý để bà P tiếp tục nuôi con, ông không cấp dưỡng nuôi trẻ D

Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo các phiên hòa giải nêu rõ nội dung các yêu cầu của ông H nhưng bà P không có mặt tại Tòa và cũng không có văn bản phản đối. Căn cứ xác minh ngày 17/12/2019 của địa phương hiện nay trẻ Lê Xuân D vẫn do bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Theo Biên bản ghi nhận nguyện vọng trẻ ngày 20/01/2020, trẻ có nguyện vọng sống với mẹ, vì vậy Hội

đồng xét xử nhận thấy để đảm bảo tốt nhất về mọi mặt cho các con chung và tránh xáo trộn về mặt tâm lý cho trẻ cần chấp nhận yêu cầu để bà P được nuôi dưỡng trẻ Lê Xuân D.

* Về tài sản chung và nợ chung: Ông H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] *Về án phí:*

Về án phí dân sự sơ thẩm ông Lê Minh H phải nộp án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, 228, 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử :

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông Lê Minh H.

Ông Lê Minh H được ly hôn với bà Dương Thị P.

2. Về con chung: Con chung Lê Xuân HH, sinh ngày 16/9/2001 đã thành niên. Giao bà Dương Thị P được nuôi dưỡng trẻ Lê Xuân D, sinh ngày 08/01/2003.

Ông H được quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở ông H thực hiện quyền này. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các đương sự được quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Án phí: Ông Lê Minh H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ vào tiền tạm ứng án phí ông H đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số AA/2019/0015239 ngày 12/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông H đã nộp đủ án phí.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Lê Minh H và bà Dương Thị P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS QUẬN 11;
- UBND P.B, Q.M, TP.HCM ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mỹ Duyên